

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2023/DS-ST

Ngày: 21-6-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Đông Thiên
- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Nguyễn Thị Vân
2. Ông Trần Ngọc Hòa
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:**
Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 477/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXX-ST ngày 28.3.2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H - SN: 1973

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn L, huyện H, tỉnh Q

Địa chỉ liên lạc: khu L, phường B, thành phố V, tỉnh P

Bị đơn : Anh Nguyễn Xuân T - SN: 1972

Địa chỉ: 43 Mai Chí T, phường T, TP. Q, tỉnh B.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19.7.2022 và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Giữa chị và anh T có quen biết qua làm ăn từ năm 2018; nên trong năm 2019 chị có cho anh T mượn tiền, mục đích anh T mở xưởng cơ khí tại Đông H, Quảng T; hai bên thống nhất trước số tiền vay 200.000.000đ, giữa 2 bên có viết giấy vay

tiền vào ngày 31.7.2019, lãi theo lãi suất ngân hàng, thời hạn vay 1 năm, khi nào cần tiền báo chị chuyển tiền.

Do thống nhất trước nên chị có đưa tiền cho anh T các lần tiền như sau:

- Ngày 31.7.2019 chị có đưa tiền mặt 18.000.000đ cho anh Thủy, giữa hai bên không có viết giấy tờ;

- Ngày 20/4/2019: 15.000.000đ - chuyển khoản qua ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

- Ngày 01/8/2019: 62.000.000đ- chuyển khoản qua ngân hàng Nông nghiệp

- Ngày 19/8/2019: 1.000.000đ - chuyển khoản qua ngân hàng Nông nghiệp

- Ngày 19/8/2019: 40.000.000đ - chuyển khoản qua ngân hàng Nông nghiệp

- Ngày 23/8/2019: 30.000.000đ - chuyển khoản qua ngân hàng Nông nghiệp

- Ngày 26/8/2019: 20.000.000đ - chuyển khoản qua ngân hàng Nông nghiệp

- Ngày 06/9/2019: 20.000.000đ - chuyển khoản qua ngân hàng Nông nghiệp

Tổng cộng là 206.000.000đ

Nay chị yêu cầu anh T trả cho chị số tiền gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) theo như giấy vay tiền ngày 31.7.2019 và tiền lãi theo mức lãi suất ngân hàng hiện hành 0.5%/tháng tính từ thời điểm vay cho đến nay, tất cả trả làm 1 lần dứt điểm.

** Bị đơn anh Nguyễn Xuân T không đến Tòa làm việc, Tòa đã tiến hành lấy lời khai không được, xác minh tại địa phương, tổng đạt hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.*

Ý kiến đại diện VKSND thành phố Quy Nhơn tham dự phiên Tòa phát biểu:

Ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Ý kiến về nội dung vụ án: chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị H yêu cầu anh T trả số tiền gốc 173.000.000đ và lãi theo quy định 0,5%/tháng. Án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; tại thời điểm thụ lý căn cứ Điều 26 BLTTDS-2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Về nội dung:

[2] Đối yêu cầu của nguyên đơn:

- Chị H có cho anh T vay số tiền 206.000.000đ, lãi suất theo ngân hàng 0,5%/tháng, thời hạn vay 1 năm, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền với số tiền 200.000.000đ; khi chị H cần tiền yêu cầu anh T trả nhưng anh T né tránh nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền gốc 200.000.000đ và lãi suất theo ngân hàng 0,5%/tháng tính theo từng thời điểm cho vay đến nay, tất cả trả làm một lần dứt điểm. Anh T không đến Tòa làm việc trong quá trình giải quyết vụ án.

Tòa xét:

Hai bên thiết lập giấy vay tiền vào ngày 31.7.2019 với số tiền 200.000.000đ, lãi suất thỏa thuận theo ngân hàng, thời gian trả nợ 1 năm, nên áp dụng khoản 2 điều 470 BLDS đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất.

Qua làm việc tại Toà, chị H chỉ yêu cầu số tiền gốc 200.000.000đ đây ý chỉ tự nguyện của đương sự nên HĐXX chấp nhận. Chị H cung cấp chứng từ chuyển tiền qua ngân hàng từ chị H sang anh T 7 lần với số tiền 188.000.000đ trong đó 6 lần chuyển tiền từ ngày 01.8.2019 đến ngày 6.9.2019 với số tiền 173.000.000đ phù hợp thời gian theo giấy vay tiền ngày 31.7.2019 là hoàn toàn có cơ sở nên HĐXX chấp nhận; 1 lần chuyển tiền ngày 20.4.2019 số tiền 15.000.000đ trước ngày thiết lập giấy vay tiền nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, chị H có 1 lần đưa tiền mặt cho anh T với số tiền 18.000.000đ vào ngày 31.7.2019 nhưng giữa 2 bên không có viết giấy tờ, tại phiên toà chị H cũng không có chứng cứ nào khác nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

- Chị H yêu cầu tiền lãi với mức 0,5%/tháng, thời gian tính theo từng lần chuyển tiền đến nay là phù hợp theo quy định pháp luật nghĩ nên chấp nhận. Áp dụng khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11.01.2019, cách tính lãi cụ thể như sau:

- Ngày 01/8/2019 đến ngày 06/9/2019: 62.000.000đ x 36 ngày x 0,5%/tháng = 372.000đ

- Ngày 19/8/2019 đến ngày 06/9/2019: 41.000.000đ x 27 ngày x 0,5%/tháng = 184.500đ

- Ngày 23/8/2019 đến ngày 06/9/2019: 30.000.000đ x 13 ngày x 0,5%/tháng = 65.000đ

- Ngày 26/8/2019 đến ngày 06/9/2019: 20.000.000đ x 10 ngày x 0,5%/tháng = 33.000đ

- Ngày 06/9/2019 đến ngày 21.6.2023:

173.000.000đ x 1.365 ngày [45 tháng 15 ngày] x 0,5%/tháng = 39.357.500đ

Tổng cộng anh T có nghĩa vụ trả gốc và lãi cho chị H là 213.012.000đ trong đó: tiền gốc: 173.000.000đ, tiền lãi 40.012.000đ

- *Ý kiến của đại diện VKSNDTPQN tham dự phiên Tòa phát biểu về nội dung vụ án phù hợp theo hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận.*

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh T phải chịu: 10.651.000đ; chị H phải chịu: 1.350.000đ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26 - Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự

Áp dụng khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11.01.2019

Áp dụng khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử :

1. Buộc anh Nguyễn Xuân T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền: 213.012.000đ trong đó: tiền gốc: 173.000.000đ, tiền lãi 40.012.000đ làm một lần dứt điểm.

Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực (đối với trường hợp cơ quan thu hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong , tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Bác một phần yêu cầu chị H đòi nợ gốc 27.000.000đ vì không phù hợp theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 10.651.000đ

Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 1.350.000đ nhưng được trừ 5.000.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002978 ngày 30.11.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn nên chị H được hoàn lại 3.650.000đ

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *Các đương sự.*
- *VKSND Tp. Quy Nhơn*
- *Lưu HS.*

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trần Đông Thiên